

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 324/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2020

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2020/QĐXXST-HN ngày 31 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 236/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Tr, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số nhà 468, khóm Th, thị trấn N, huyện H, tỉnh Đồng Tháp;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hùng E, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ 19, ấp Ph, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang.

Chị Tr có mặt tại phiên tòa; Anh Hùng E vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Tr trình bày: Năm 2012, chị Tr và anh Nguyễn Hùng E tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, thị xã T, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 38/2012, quyển số I/2012, ngày 20/03/2012. Sau lễ cưới, chị Tr và anh Hùng E đi làm và sinh sống tại

Bình Dương. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị Tr và anh Hùng E sống xa nhau từ tháng 8/2019 cho đến nay. Tình cảm giữa chị Tr đối với anh Hùng E đã hết, chị Tr giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Nguyễn Hùng E.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 262/TB-TLVA ngày 25/5/2020 cho anh Nguyễn Hùng E thông qua người thân là ông Nguyễn Văn L (bác ruột anh Hùng E) nhận thay và ông Lóc xác nhận có thông tin cho anh Hùng E biết về việc chị Tr khởi đơn kiện ly hôn với anh Hùng E tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ý kiến của anh Hùng E đối với yêu cầu của chị Tr và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) của anh Hùng E gửi cho Tòa án.

Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Hùng E vắng mặt theo các lần triệu tập của Tòa án nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về tình cảm được. Ngày 13/7/2020, Tòa án ban hành Thông báo số 507/TB-TA về việc công khai tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập cho anh Nguyễn Hùng E được biết thông qua việc tổng đạt cho người thân nhận thay (ông Nguyễn Văn L bác ruột anh Hùng E) nhưng anh Hùng E không gửi văn bản ý kiến của anh Hùng E cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh Hùng E vắng mặt, chị Tr kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Hùng E.

Hội đồng xét xử, công bố biên bản xác minh Công An xã Ph, thị xã T, tỉnh An Giang; Biên bản xác minh (ghi lời khai) ông Nguyễn Văn L (bác ruột anh Nguyễn Hùng E). Cụ thể:

- Công An xã Ph, thị xã T, tỉnh An Giang cho biết: Nguyễn Hùng E, sinh năm 1991, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Phú Hưng, xã Ph, thị xã T, tỉnh An Giang. Hiện nay, anh Hùng E vắng mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì công an xã Phú Vĩnh không biết.

- Ông Nguyễn Văn L (bác ruột anh Hùng E) cung cấp: Ông Lóc là bác ruột của Nguyễn Hùng E, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp H, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang và là người trực tiếp nuôi Hùng E từ khi Hùng E 05 (năm) tuổi. Mẹ của Hùng E đã chết, cha của Hùng E tên Nguyễn Văn Hải (E ruột ông Lóc), hiện ông Hải đang làm thuê ở Long An (không rõ địa chỉ cụ thể). Hùng E và Huỳnh Thị Tr tự tìm hiểu, yêu thương nhau năm 2012, đi đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, thị xã T, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, Tr và Hùng E chung sống chủ yếu và làm ăn ở Bình Dương. Quá trình chung sống, Tr và Hùng E không hạnh phúc, thường xảy ra

mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về kinh tế, Hùng E cò bạc gây nợ nần và Tr nhiều lần đứng ra trả nợ thay cho Hùng E, nhiều lần khuyên Hùng E nhưng Hùng E không nghe. Tr và Hùng E sống xa nhau từ năm 2019 cho đến nay và không có con chung. Ông Lóc đã nhận được hai văn bản tố tụng do Tòa án tổng đặt cho Hùng E cách đây khoảng 15 ngày (nửa tháng), Hùng E có về nhà ông Lóc và ông Lóc có nói cho Hùng E biết về việc Tòa án mời ra Tòa án nhưng Hùng E không nói gì và đi luôn cho đến nay. Ông Lóc đồng ý nhận thay các văn bản tố tụng cho Hùng E và đồng ý thông báo cho Hùng E biết.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hôn nhân của chị Tr và anh Hùng E là hợp pháp có đăng ký kết hôn năm 2012. Cuối tháng 7 năm 2019, chị Tr và anh Hùng E phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị Tr và anh Hùng E sống xa nhau từ tháng 8/2019 cho đến nay. Cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị Tr yêu cầu ly hôn với anh Hùng E là có căn cứ.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Tr được ly hôn anh Nguyễn Hùng E

Về án phí: Chị Huỳnh Thị Tr phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Huỳnh Thị Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hùng E. Anh Hùng E có nơi cư trú: Tổ 19, ấp Ph, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Hùng E được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Năm 2012, chị Huỳnh Thị Tr và anh Nguyễn Hùng E tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, thị xã T, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 38/2012, quyển số I/2012, ngày 20/03/2012, hôn nhân giữa chị Tr và anh Hùng E là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị Tr khai, sau lễ cưới, chị Tr và anh Hùng E đi làm và sinh sống tại Bình Dương. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị Tr và anh Hùng E sống xa nhau từ tháng 8/2019 cho đến nay. Tình cảm giữa chị Tr đối với anh Hùng E đã hết, chị Tr kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hùng E.

Biên bản xác minh (ghi lời khai) ông Nguyễn Văn L (bác ruột anh Nguyễn Hùng E): Quá trình chung sống, Tr và Hùng E không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về kinh tế, bản thân Hùng E cờ bạc gây nợ nần và Tr nhiều lần đứng ra trả nợ thay cho Hùng E, nhiều lần khuyên Hùng E nhưng Hùng E không nghe. Ông Lóc cũng nhiều lần khuyên Tr chung sống không hạnh phúc thì ly hôn nhưng Tr im lặng không nói gì. Tr và Hùng E sống xa nhau từ năm 2019 cho đến nay.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của chị Tr và anh Hùng E phát sinh mâu thuẫn từ cuối tháng 7 năm 2019 và sống xa nhau từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay. Thời gian sống xa nhau, anh Hùng E không tìm đến chị Tr để hàn gắn tình cảm gia đình. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị Tr và anh Hùng E hàn gắn tình cảm gia đình nhưng anh Hùng E vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng chị Tr và anh Hùng E đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận hạnh phúc và bền vững mà còn kéo dài sự đau khổ cho chị Tr. Xét, cho chị Huỳnh Thị Tr ly hôn với anh Nguyễn Hùng E là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Tr khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, chị Huỳnh Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí.

Anh Hùng E không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Tr.

Chị Huỳnh Thị Tr được ly hôn với anh Nguyễn Hùng E.

Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2012, quyền số I/2012, ngày 20/03/2012, do Ủy ban nhân dân xã Ph, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho chị Huỳnh Thị Tr và anh Nguyễn Hùng E không còn giá trị pháp lý.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Huỳnh Thị Tr phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/0001344 ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị Huỳnh Thị Tr đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Hùng E không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị Tr là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Hùng E là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bạch Tuyết